

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/DS-PT

Ngày: 16 - 8 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng thuê
khoán tài sản và yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị
xâm phạm”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2023/TLPT-DS ngày 07/6/2023
về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án
nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 7
năm 2023 và Thông báo số 571/2023/TB-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023 về việc
mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần CLĐ; trụ sở: Số M QT, Phường H, thành
phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng N, chức vụ: Chủ tịch Hội
đồng quản trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tuấn M, sinh năm 1981; địa chỉ: Số
M QT, Phường H, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Quang V
- Luật sư Công ty luật TNHH TV; địa chỉ: Số B/M VHT, Phường B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phùng S, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn TQ, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1964; địa chỉ: Số MDM PVH, khu phố B, phường TN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2022.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn TQ, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3.2. Ông Vũ Duy N, sinh năm 1968; địa chỉ: Số ST thôn C, xã HN, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Phùng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty cổ phần C LĐ trình bày:

Ngày 01/01/2017, Công ty cổ phần C LĐ (viết tắt là công ty C) ký kết Hợp đồng thuê khoán vườn chè số 81/3/HĐK/CPC ngày 01/01/2017 và Phụ lục hợp đồng số 81/3/PLHĐ/CPC ngày 01/01/2020 có nội dung công ty C giao cho ông S nhận khoán diện tích đất trồng chè TB14 và PH1, trồng năm 1999 tại thửa đất số 101, 119 lô 32 tờ bản đồ số 49 xã LA, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, diện tích giao khoán 1908m², số lượng cây còn sống 1590 cây, sản lượng 1.145+763kg/năm, công ty C đầu tư ban đầu gồm làm đất, cây giống, phân bón lót, phần còn lại do người nhận khoán đầu tư. Ngoài ra hợp đồng còn quy định nghĩa vụ nộp sản lượng, quyền và nghĩa vụ của các bên và thời hạn thực hiện hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 2/7/2021, công ty C tiến hành kiểm tra hiện trạng thực tế một số cá nhân được giao khoán trong đó có hộ ông S thì phát hiện hộ ông S tự ý đốn hạ toàn bộ cây chè đã nhận khoán để chuyển trồng 294 cây cà phê, 02 cây mắc ca, 12 cây bơ 034, 58 cây thần tài. Công ty C đã lập biên bản vi phạm và tổ chức họp yêu cầu hộ ông S chấm dứt thỏa thuận giao khoán, bồi

thường thiệt hại và trả lại vườn cây cho công ty C nhưng ông S không thực hiện. Do ông S chặt phá vườn chè, chuyển đổi cây trồng gây thiệt hại cho công ty C đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của hợp đồng.

Theo kết quả đo đạc ngày 17/3/2022 của Công ty TNHH AT xác định diện tích thực tế ông S sử dụng sau khi nhận khoán là 1815m² thuộc một phần thửa đất số 119 tờ bản đồ số 49 tại xã LA, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Trên đất có 44 cây cà phê ghép trồng năm 2020, 250 cây cà phê ghép trồng năm 2018, 02 cây mắc ca trồng năm 2018, 12 cây bơ 034 trồng năm 2018, 58 cây thân tài trồng năm 2017.

Căn cứ vào điểm a, b, d khoản 1 Điều 4 của hợp đồng, công ty C yêu cầu chấm dứt hợp đồng nhận khoán số 81/3/HĐK/CPC ngày 01/01/2017 được ký kết giữa công ty C và ông S, yêu cầu ông S giao lại toàn bộ diện tích đất 1815m² thuộc một phần thửa đất số 119 tờ bản đồ số 49 tại xã LA, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; buộc ông S bồi thường 1590 cây chè giống TB14 và BH1, thành tiền là 147.552.000đ, tương đương giá 46.400đ/cây.

Bị đơn ông Nguyễn Phùng Sử trình bày:

Ông thừa nhận có ký hợp đồng nhận khoán vườn chè nêu trên với công ty chè. Tuy nhiên, vườn chè này đã trồng từ năm 1999 và giao cho các hộ nhận khoán trước đây nhưng không được hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc nên cây chè đã chết rất nhiều. Năm 2017, ông ký thuê lại vườn chè này với công ty C thì chỉ còn 40% cây chè TB14, 60% cây chè PH1; toàn bộ vườn chè còn sống khoảng 40% tương đương 608 cây, sinh trưởng phát triển kém. Tuy nhiên, hợp đồng lại ghi số lượng cây như lúc ban đầu trồng năm 1999 là 1590 cây là không đúng. Năm 2018, được sự đồng ý của ông N là đội trưởng đội sản xuất của công ty C thì ông S đã nhổ toàn bộ cây chè còn lại để trồng cây cà phê và một số cây ăn trái khác như bơ, mắc ca. Việc chuyển đổi cây trồng là để có thu nhập buộc phải trồng để đóng tiền sản lượng cho công ty C nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của công ty chè.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S1 trình bày:

Năm 2017, ông S ký hợp đồng nhận khoán vườn chè với công ty C với tư cách đại diện hộ gia đình, bà là mẹ của ông S không ký hợp đồng này, không liên quan gì đến quyền lợi của bà nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Duy N trình bày:

Ông là đội trưởng đội sản xuất được công ty C giao trách nhiệm quản lý các lô, đồi chè cà phê mà công ty C giao khoán cho các hộ dân trong đó có hộ ông S.

Để tạo thành vườn chè có thu hoạch thì vốn của công ty C đầu tư là khoảng 60%, còn lại 40% là vốn chăm sóc đầu tư của các hộ nhận khoán được quy định tại điều 1 của hợp đồng nhận khoán. Theo hợp đồng, công ty C có nghĩa vụ chuyển giao kỹ thuật chăm sóc phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho các hộ dân nhận khoán nhưng trên thực tế thì không thực hiện; công ty C bao tiêu thu mua sản phẩm cho người dân cụ thể thu mua chè búp tươi nhưng đến năm 2015 công ty C chuyển sang thu tiền mặt, điều này Lãnh đạo công ty C chỉ đạo bằng miệng không có văn bản; thực tế các hộ nhận vườn canh tác sử dụng cho đến lúc đặt bút ký vào hợp đồng nhận khoán là một khoảng thời gian. Do đó, tại thời điểm ký hợp đồng nhận khoán số lượng cây chè thực tế còn sống so với số lượng cây chè ghi trong hợp đồng là khác nhau. Lý do là vì cây chè đã được trồng nhiều năm trước đó, trải qua thời tiết nắng hạn và thiếu hỗ trợ chăm sóc kỹ thuật phân bón, thuốc trừ sâu của công ty C nên số lượng cây chè chết khoảng 40% đến 50%; ở những chỗ cây chè bị chết như trên thì các hộ nhận khoán đã trồng cây cà phê, sầu riêng để có nguồn thu nhập nộp cho công ty chè. Việc các hộ dân chuyển đổi cây trồng ông đã có danh sách đề nghị công ty C cho phép người dân chuyển đổi cây trồng nhưng công ty chưa giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 Tòa án nhân huyện Bảo Lâm đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C LĐ về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” với bị đơn ông Nguyễn Phùng S.

- Chấm dứt thực hiện Hợp đồng khoán vườn chè số 81/3/HĐK/CPC ngày 01/01/2017 và Phụ lục số 81/3/PLHĐ-CPC tháng 01/01/2020 giữa Công ty cổ phần C LĐ với ông Nguyễn Phùng S.

- Buộc ông Nguyễn Phùng S phải giao lại cho Công ty cổ phần C LĐ diện tích đất 1815m² thuộc một phần thửa đất số 119 tờ bản đồ số 49 tại xã LA, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 17/3/2022 của Công ty TNHH AT kèm theo) và cây trồng trên đất gồm: 44 cây cà phê ghép trồng năm 2020, 250 cây cà phê ghép trồng năm 2018, 02 cây mắc ca trồng năm 2018, 12 cây bơ 034 trồng năm 2018, 58 cây thần tài trồng năm 2017.

- Buộc Công ty cổ phần C LĐ thanh toán cho ông Nguyễn Phùng S 96.437.000đ giá trị cây trồng trên đất.

- Buộc ông Nguyễn Phùng S phải bồi thường cho Công ty cổ phần C LĐ giá trị 636 cây chè TB14 và PH1 đã chặt bỏ là 18.583.900đ.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C LĐ về việc yêu cầu ông Nguyễn Phùng S bồi thường 100% giá trị 1590 cây chè tương đương số tiền 54.416.100đ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C LĐ về việc yêu cầu ông Nguyễn Phùng S bồi thường 200% giá trị 1590 cây chè.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành của các đương sự.

Ngày 05/4/2023, bị đơn ông Nguyễn Phùng S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông S, người đại diện theo ủy quyền ông Hải vẫn giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu áp dụng thời hiệu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần C LĐ là ông Bùi Tuấn Mạnh và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của ông S, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Phùng S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa hôm nay, bà S1, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Xuất phát từ việc Công ty cổ phần C LĐ và ông S có ký kết hợp đồng thuê khoán vườn cây số 81/3/HĐK/CPC ngày 01/01/2017 và Phụ lục hợp đồng giao khoán vườn cây số 81/3/PLHĐ/CPC ngày 01/01/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía công ty C cho rằng ông S vi phạm nghĩa vụ nên công ty C

khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng nhận khoán, buộc ông S giao lại toàn bộ diện tích đất 1815m² thuộc một phần thửa đất số 119 tờ bản đồ số 49 tại xã LA, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; buộc ông S bồi thường 1590 cây chè giống TB14 và BH1, thành tiền là 147.552.000đ, tương đương giá 46.400đ/cây. Còn bị đơn ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của công ty C nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của ông S thấy rằng:

[2.1] Ông S thừa nhận có ký hợp đồng và nhận khoán của công ty C thửa đất số 101, 119 vào năm 2017. Khi nhận khoán có khoảng 40% cây chè còn sống. Năm 2018, ông S chặt bỏ toàn bộ cây chè để chuyển đổi trồng cây cà phê, mắc ca, bơ.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá toàn bộ cây trồng trên đất, các bên thống nhất kết quả đo đạc và giá trị cây trồng trên đất nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các kết quả này để giải quyết là đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Cụ thể:

Qua kết quả xem xét thẩm định (bút lục số 72), trên diện tích đất nhận khoán ông S trồng 44 cây cà phê ghép trồng năm 2020, 250 cây cà phê ghép trồng năm 2018, 02 cây mắc ca trồng năm 2018, 12 cây bơ 034 trồng năm 2018, 58 cây thân tài trồng năm 2017.

Theo Kết quả đo vẽ ngày 17/3/2022 của Công ty TNHH AT (bút lục số 55) xác định diện tích đất ông S sử dụng sau khi ký hợp đồng thuê khoán là 1.815m² thuộc một phần thửa đất số 119 tờ bản đồ số 49 tại xã LA, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Việc chặt bỏ cây chè thay đổi cây trồng khác của ông S đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của hợp đồng khoán vườn cây ngày 01/01/2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các thỏa thuận do các bên ký kết trong hợp đồng giao nhận khoán và áp dụng Điều 492 Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên chấm dứt Hợp đồng khoán vườn chè số 81/3/HĐK/CPC ngày 01/01/2017 và Phụ lục số 81/3/PLHĐ-CPC tháng 01/01/2020 giữa Công ty cổ phần C LĐ với ông Nguyễn Phùng S là có căn cứ.

Ông S cho rằng được sự đồng ý của ông N là đội trưởng đội sản xuất của công ty chè, ông mới chặt bỏ cây chè và chuyển đổi cây trồng. Tuy nhiên, tại lời khai ngày 08/11/2022, ông N cho rằng ông đã lên danh sách các hộ nhận khoán

có nhu cầu chuyển đổi cây trồng nhưng công ty C chưa giải quyết. Căn cứ điểm b khoản 1 điều 3 của hợp đồng thì hộ nhận khoán không được tự ý thay đổi cây trồng khi chưa có sự đồng ý của công ty bằng văn bản. Mặc dù hợp đồng còn trong hạn nhưng do ông S vi phạm các quy định trên của hợp đồng nên căn cứ vào điểm a, b, d Điều 4 của hợp đồng thì công ty C có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê khoán, buộc ông S giao lại vườn nhận khoán nêu trên là phù hợp và có căn cứ.

[2.2] Việc ông S tự ý chuyển đổi cây trồng từ năm 2017, 2018 nhưng công ty C không kịp thời phát hiện, ngăn cản dẫn đến cây trồng đến nay đã sinh trưởng phát triển cho thu hoạch là có phần lỗi của công ty C nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc công ty C phải bồi thường giá trị cây trồng trên đất cho ông S gồm 294 cây cà phê, 02 cây mắc ca, 12 cây bơ 034, 58 cây thần tài có giá trị là 96.437.000đ là có căn cứ.

[2.3] Theo Điều 1 của hợp đồng quy định, để có một cây chè trưởng thành cho thu hoạch thì công ty C bỏ vốn gồm cây chè giống và phân bón lót tương đương 60%, người thuê khoán đầu tư phần còn lại tương đương 40%. Mặt khác, căn cứ vào hợp đồng, cây chè mà ông S nhận khoán được trồng từ năm 1999, ông S cho rằng khi ông nhận khoán lại vườn chè thì cây chè chỉ còn sống khoảng 40% là phù hợp với lời khai của ông N ngày 08/11/2022. Do đó, cần xác định khi ông S nhận khoán, cây chè thực tế còn sống khoảng 40% x 1590 cây tương đương 636 cây.

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 599.2022.VT.HS ngày 31/5/2022 của Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín giá 636 cây x 48.700đ = 30.937.000đ. Công ty bỏ vốn đầu tư ban đầu là 60% x 30.937.000đ = 18.583.900đ nên ông S có trách nhiệm bồi thường cho công ty C số tiền 18.583.900đ. Không chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường đối với số tiền 54.416.100đ (73.000.000đ – 18.583.900) là có căn cứ.

[2.4] Đối với việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị áp dụng thời hiệu thì thấy rằng hợp đồng giao khoán giữa các bên hiện nay vẫn đang thực hiện và đang còn hiệu lực nên vẫn còn thời hiệu giải quyết.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Công ty cổ phần C LĐ đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ và thẩm định giá tài sản 30.258.000đ. Do yêu cầu của công ty C được chấp nhận một phần nên nguyên đơn và bị đơn cùng phải chịu chi phí tố tụng nêu trên. Do nguyên đơn đã tạm ứng 30.258.000đ nên cần buộc ông S thanh toán lại cho công ty C 1/2 số tiền trên là 15.129.000đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Phùng S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

Xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C LĐ về việc “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*” với bị đơn ông Nguyễn Phùng S.

- Chấm dứt thực hiện Hợp đồng khoán vườn cây số 81/3/HĐK/CPC ngày 01/01/2017 và Phụ lục hợp đồng giao khoán vườn cây số 81/3/HĐK-CPC ngày 01/01/2020 giữa Công ty cổ phần C LĐ với ông Nguyễn Phùng S.

- Buộc ông Nguyễn Phùng S phải giao lại cho Công ty cổ phần C LĐ diện tích đất 1.815m² thuộc một phần thửa đất số 119 tờ bản đồ số 49 tại xã LA, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 17/3/2022 của Công ty TNHH AT kèm theo) và cây trồng trên đất gồm: 44 cây cà phê ghép trồng năm 2020, 250 cây cà phê ghép trồng năm 2018, 02 cây mắc ca trồng năm 2018, 12 cây bơ 034 trồng năm 2018, 58 cây thân tài trồng năm 2017.

- Buộc Công ty cổ phần C LĐ thanh toán cho ông Nguyễn Phùng S 96.437.000đ (chín mươi S1 triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng) giá trị cây trồng trên đất.

- Buộc ông Nguyễn Phùng S phải bồi thường cho Công ty cổ phần C LĐ giá trị 636 cây chè TB14 và PH1 đã chặt bỏ là 18.583.900đ (mười tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn chín trăm đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C LĐ về việc yêu cầu ông Nguyễn Phùng S bồi thường 100% giá trị 1590 cây chè tương đương số tiền 54.416.100đ.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C LĐ về việc yêu cầu ông Nguyễn Phùng S bồi thường 200% giá trị 1590 cây chè.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Phùng S thanh toán lại cho Công ty cổ phần C LĐ 15.129.000đ (mười năm triệu một trăm hai mươi chín nghìn đồng).

3. Án phí:

- Công ty cổ phần C LĐ phải chịu 7.542.600đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 4.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004131 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, Công ty cổ phần C LĐ còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu là 3.542.600đ (ba triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn S1 trăm đồng).

- Ông Nguyễn Phùng S phải chịu 1.229.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012815 ngày 18/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm. Ông S còn phải nộp 1.229.000đ (một triệu hai trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự còn thiếu.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA huyện Bảo Lâm;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Thanh